

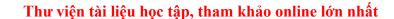
Nội dung bài viết

- 1. Các dang bài tập thì hiện tai hoàn thành cơ bản
 - 1. Dang bài tập chia động từ thì hiện tại hoàn thành
 - 2. Dang bài tâp viết lai câu thì hiện tai hoàn thành
 - 3. Dang bài tập chia động từ ở thì hiện tai hoàn thành
 - 4. Dạng bài tập trắc nghiệm thì hiện tại hoàn thành
 - 5. Dang bài tập Passive voice thì hiện tai hoàn thành

Các dạng bài tập thì hiện tại hoàn thành cơ bản

Dạng bài tập chia động từ thì hiện tại hoàn thành

| 1. Bo (drive) Rose to work today. |
|--|
| 2. They (work) all day and night. |
| 3. We (see) the new bridge. |
| 4. He (have) breakfast this morning. |
| 5. Ann and Don (wash) the car. |
| 6. Kathy (want) to go to Queensland for a long time. |
| 7. Mel (give) up smoking. |
| 8. I (forget) that man's name. |
| 9. They (lose) their keys. |
| 10.Jack (be) to England. |
| 11. They (leave) London this month. |
| 12.He (bring) a lot of English papers. |
| 13.She (tell) me about it. |
| 14.I (get) a long letter from father this week. |
| 15.She (come), she will speak to you in a minute. |
| 16.I (be) to Radio City. |
| 17.I think the director (leave) the town. |
| 18.I (paint) my office. |
| 19.We (know) her since she arrived in our city. |
| 20.I (forget) your name. |
| 21. The bill isn't right. They (make) a mistake. |
| 22. Don't you want to see this programme? It(start). |
| 23.I (turn) the heating on. It'll soon get warm in here. |
| 24they (pay) money for your mother yet? |
| 25. Someone (take) my bicycle. |
| 26. Wait for few minutes, please! I (finish) my dinner. |
| 27you ever (eat)Sushi? |
| 28. She (not/come) here for a long time. |
| 29.I (work) here for three years. |
| 30 you ever(be) in New York? |





| 31. You (not/do)your project yet, I suppose. |
|--|
| 32.I (just/ see) Andrew and he says healready (do) about |
| half of the plan. |
| 33.Ijust (decide) to start working next week. |
| 34.He (be) at his computer for seven hours. |
| 35.She (not/ have)any fun a long time. |
| 36.My father (not/play) any sport since last year. |
| 37.I'd better have a shower. I (not/ have) one since Thursday. |
| 38.I don't live with my family now and we (not/ see) each other for five years. |
| 39.I just (realize) that there are only four weeks to the end of term. |
| 40. The train drivers (go) on strike and they stopped working at twelve o'clock. |
| 41. How long (you/ know) each other? |
| 42(You/ take) many photographs? |
| 43.(She/eat) at the Royal Hotel yet? |
| 44.He (live)here all his life |
| 45. Is this the second time he (lose) his job? |
| 46. How many bottles the milkman (leave)? He (leave) |
| six. |
| 47.I (buy) a new carpet. Come and look at it. |
| 48. She (write) three poems about her fatherland. |
| 49. We (finish)three English courses. |
| 50.School (not, start)yet. |

Đáp án:

- 1. has driven
- 2. have worked
- 3. have seen
- 4. has had
- 5. have washed
- 6. has wanted
- 7. has given
- 8. have forgotten
- 9. have lost
- 10.has been
- 11.have left
- 12.has bring
- 13.has told
- 14.have got



- 15.has come
- 16.have been
- 17.has left
- 18.have painted
- 19.have known
- 20.have forgot
- 21.have made
- 22.have made
- 23.have turned
- 24. Have .. paid
- 25.has taken
- 26.have finished
- 27. Have ... eaten
- 28.hasn't come
- 29.have worked
- 30. Have you ever been
- 31.haven't done
- 32.have just seen has already done
- 33.have just decided
- 34.has been
- 35.hasn't had
- 36.hasn't played
- 37.havent had
- 38.haven't seen
- 39.have just realized
- 40.have gone
- 41.have .. known
- 42.have .. taken
- 43.Has ... eaten
- 44.has lived
- 45.has loosen
- 46.has ... left has left
- 47.have bought
- 48.has written
- 49.have finished
- 50.hasn't started

Dạng bài tập viết lại câu thì hiện tại hoàn thành

Bài 1:



Viết lại câu thì hiện tại hoàn thành dưới dạng câu khẳng định dựa trên những từ gợi ý dưới đây:

- 1. Mary / visit / his grandparents
- 2. Jack / play games / on the computer
- 3. John and Su / wash / their car
- 4. Andrew / repair / his bike
- 5. Phil / help / Anne with maths
- 6. Brad and Louise / watch / a film
- 7. Tamara / talk to / her best friend
- 8. Bridgette / draw / a picture
- 9. Carol / read / a computer magazine
- 10. Tom and Alice / be / to a restaurant

Đáp án:

- 1. Mary has visited his grandma.
- 2. Jack has played on the computer.
- 3. John and Su have washed their car.
- 4. Andrew has repaired his bike.
- 5. Phil has helped Anne with maths.
- 6. Brad and Louise have watched a film.
- 7. Tamara has talked to her best friend.
- 8. Bridgette has drawn a picture.
- 9. Carol has read a computer magazine.
- 10. Tom and Alice have been to a restaurant.

Bài 2:

Viết thành câu hoàn chỉnh ở thì hiện tại hoàn thành dưới dạng câu nghi vấn dựa trên những từ gợi ý dưới đây:

- 1. you / answer / the question
- 2. Jenny / lock / the door
- 3. Walter / call / us
- 4. you / see / the picture
- 5. your parents / get / the letter
- 6. it / rain / a lot
- 7. how often / we / sing / the song
- 8. Maureen / watch / the film
- 9. how many books / Bob / read
- 10.ever / you / be / to London



Đáp án:

- 1. Have you answered the question?
- 2. Has Jenny locked the door?
- 3. Has Walter called us?
- 4. Have you seen the picture?
- 5. Have your parents got the letter?
- 6. Has it rained a lot?
- 7. How often have we sung the song?
- 8. Has Maureen watched the film?
- 9. How many books has Bob read?
- 10. Have you ever been to London?

Bài 3:

Đọc và viết lại câu với từ just, yet and already:

- 1. John goes out. Five mintues later, the phone rings and the caller says 'Can I speak to John' -> You say: I'm afraid ... (go out).
- 2. You are eating in a restaurant. The waiter thinks you have finished and starts to take your plate away. -> You say: Wait a minute! ... (not/finish)
- 3. You are going to a hotel tonight. You phone to seserve a table. Later your friend says, 'Shall I phone to reserve a table'. -> You say: No, ... (do/it).
- 4. You know that a friend of yours is looking for a place to live. Perhaps he has been successful. -> Ask her. You say: ... ? (find).
- 5. You are still thinking about where to go for your holiday. A friend asks: "Where are you going fot your holiday?" -> You say: ... (not/decide).
- 6. Tom went to the bank, but a few mintues ago she returned. Somebody asks, "Is Tom still at the bank? '-> You say: No, ... (come back).

Đáp án:

- 1. he's just gone out
- 2. I haven't finished yet
- 3. I've already done it
- 4. Have you found a place to live yet?
- 5. I haven't dicided yet
- 6. he's just come back

Dạng bài tập chia động từ ở thì hiện tại hoàn thành

- 1. How long you (wait) for me?
- 2. This is the second time I (watch) this comedy with my boyfriend.



- 3. I (not hear) from you for ages.
- 4. My boyfriend is the most galant man I (know).
- 5. I (wait) for him since 2 p.m.
- 6. He (not eat) this kind of food before.
- 7. She is the most warm-hearted woman I (meet).
- 8. You (finish) the test yet?
- 9. I (know) him for ages because we were neighbours when I was a child.
- 10. She (teach) me English for 3 years.

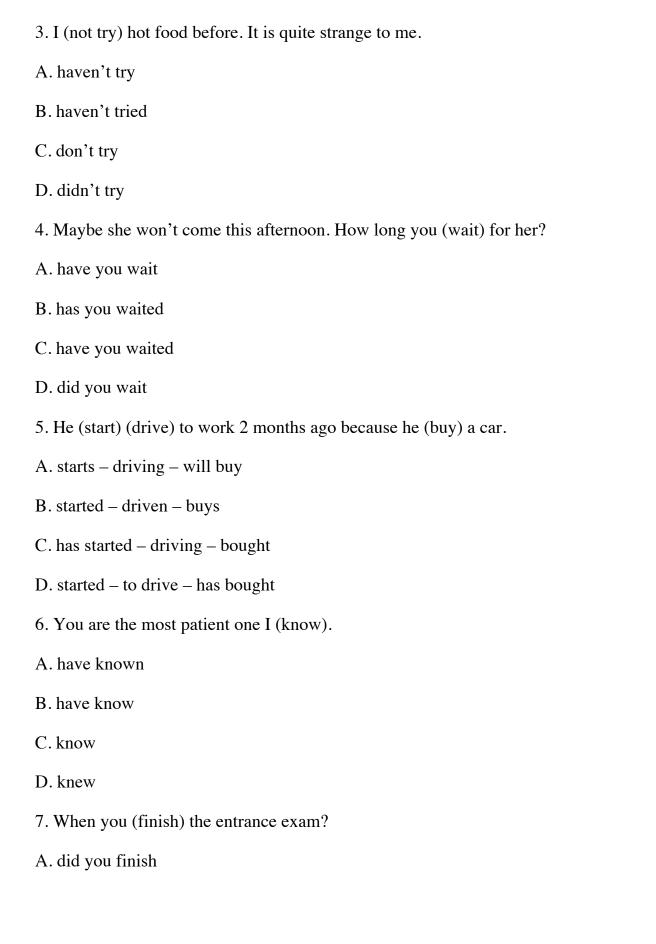
Đáp án:

- 1. have you waited
- 2. have watched
- 3. haven't heard
- 4. have known
- 5. have waited
- 6. hasn't eaten
- 7. have met
- 8. Have you finished
- 9. have known
- 10.has taught

Dạng bài tập trắc nghiệm thì hiện tại hoàn thành

| 1. When to Da Lat? |
|--|
| A. did you move |
| B. have you moved |
| C. you moved |
| D. had you moved |
| 2. I want to meet him again because the last time I (see) him was 1 month ago. |
| A. seen |
| B. have seen |
| C. saw |
| D. see |







| B. have you finished | | | | | | | | | | | | |
|---|---------------------|--------|-------|-------|---------|-------|-------|-------|-------|-------|------|-----|
| C. did you finishes | | | | | | | | | | | | |
| D. did you finished | | | | | | | | | | | | |
| 8. I (know) his mother since I (be) 5 years old because she was my neighbour. | | | | | | | | | | | | |
| A. have known – be | | | | | | | | | | | | |
| B. have known - | B. have known – was | | | | | | | | | | | |
| C. knew – was | C. knew – was | | | | | | | | | | | |
| D. knew – were | D. knew – were | | | | | | | | | | | |
| 9. I (read) her po | ost th | ree ti | mes l | out I | still d | lon't | under | stand | l wha | t she | mean | ıs. |
| A. read | | | | | | | | | | | | |
| B. have read | | | | | | | | | | | | |
| C. reads | | | | | | | | | | | | |
| D. did read | | | | | | | | | | | | |
| 10. Linh (marry) Hung 10 months ago. | | | | | | | | | | | | |
| A. married | | | | | | | | | | | | |
| B. marries | | | | | | | | | | | | |
| C. had married | | | | | | | | | | | | |
| D. will marry | | | | | | | | | | | | |
| Đáp án: | | | | | | | | | | | | |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | | |
| Đáp án | A | С | В | С | D | A | A | В | В | A | | |
| | | | | | | | | | | | | |

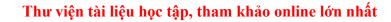


Dạng bài tập Passive voice thì hiện tại hoàn thành

| 1. | The essay | (write) by Jane. |
|----|------------------------|--|
| 2. | The cake | (eat) by the dog. |
| 3. | Many flowers | (pluck) in the garden. |
| 4. | (the | car/repair) yet? |
| 5. | The glass | (not break) by Peter. |
| 6. | The package | (deliver) recently. |
| 7. | They | (not invite) to the birthday party. |
| 8. | A lot of people _ | (help) by my brother. |
| 9. | (the | esson/do) yet? The deadline is coming. |
| 10 | .She | already/interview) for the teacher position. |
| 11 | .How | (the plan/make)? |
| 12 | .How many sports | (play) in the competition? |
| 13 | .This teddy bear _ | (fix) in that shop. |
| | | ng them(just/sign). |
| 15 | .The train ticket $_$ | (not buy) yet. |
| 16 | .How many langua | ges(speak) around the world? |
| 17 | .Lisa's bag | (steal). |
| 18 | (the | presents/give) to you? |
| | | (type) for 2 hours. |
| 20 | .The thief | (not catch) by the police yet. |
| | | |

Đáp án:

- 1. has been written
- 2. has been eaten
- 3. have been plucked
- 4. Has the car been repaired?
- 5. has not been broken
- 6. has been delivered
- 7. have not been invited
- 8. have been helped
- 9. Has the lesson done
- 10.has already been interviewed
- 11.has the plan been made
- 12.have been played
- 13.has been fixed
- 14.has just been signed
- 15.has not been bought
- 16.have been spoken
- 17.has been stolen





- 18. Have the presents been given
- 19.have been typed
- 20.has not been caught